UBND PHƯỜNG XUÂN HÒA

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ THAM KHẢO
TOÁN 6
GIỮA HỌC KỲ 1

NĂM HỌC: 2026 – 2027

Họ tên HS: ……..... Lớp: 6/....

LƯU HÀNH NỘI BỘ

thuvientoanhoc.com

NỘI DUNG KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN 6

NĂM HỌC 2026-2027

PHẦN SỐ VÀ ĐẠI SỐ.

Chương 1. SỐ TỰ NHIÊN.

Bài 1. Tập hợp.

Bài 2. Cách ghi số tự nhiên.

Bài 3. Thứ tự trong tập hợp số tự nhiên.

Bài 4. Phép cộng và phép trừ số tự nhiên.

Bài 5. Phép nhân và phép chia số tự nhiên.

Bài 6. Lũy thừa với số mũ tự nhiên

Bài 7. Thứ tự thực hiện phép tính.

Chương 2. TÍNH CHẤT CHIA HẾT TRONG TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN.

Bài 8. Quan hệ chia hết và tính chất.

Bài 9. Dấu hiệu chia hết

HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

Chương 4. HÌNH HỌC TRỰC QUAN

CÁC HÌNH PHẲNG TRONG TỰ NHIÊN

Bài 1. Hình vuông, lục giác đều, tam giác đều.

Bài 2. Hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang cân

Bài 3. Chu vi và diện tích một số hình trong thực tiễn.

thuvientoanhoc.com

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG XUÂN HÒA
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ THAM KHẢO GIỮA HỌC KÌ 1
NĂM HỌC 2026 - 2027
MÔN TOÁN - KHỐI 6
Thời gian: 60 phút
(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 1 (TD)
(Đề gồm 2 trang)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM *(2,0 điểm)*

Học sinh chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng và ghi vào giấy làm bài.
(Ví dụ: 1A; 2B; 3C; …)

Câu 1. Cho tập hợp $A = \{x \in N / x < 3\}$. Số phần tử của tập hợp A là:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 2. Tìm số tự nhiên x biết: 120 - x = 15

A. 135 **B.** 8 **C.** 105 **D.** 1800

Câu 3. Trong các số sau, số nào không là bội của 2 ?

A. 762 **B.** 361 **C.** 214 **D.** 326

Câu 4. Kết quả của phép chia $5^{10} : 5^5$ là:

A. 5^2 **B.** 2^5 **C.** 5^5 **D.** 1^2

Câu 5. Hình có ba cạnh bằng nhau và ba góc bằng nhau là :

A.Hình chữ nhật **B**. Hình lục giác đều
C. Hình vuông **D**. Hình tam giác đều

Câu 6. Cho hình bình hành ABCD. Kết luận nào sau đây là đúng?

A. Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

B. Hai đường chéo bằng nhau.

C. Độ dài cạnh luôn bằng đường chéo.

D. Có 4 cạnh bằng nhau.

Câu 7. Công thức tính diện tích hình thoi có hai đường chéo là a và b là:

A. $S = \frac{ab}{2}$ B. $S = a.b$ C. $S = a.a$ D. $S = \frac{a.h}{2}$

Câu 8. Cho $ABCD$ là hình thang cân (AB song song với DC). Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $BC = AD$ B. $BC = AB$ C. $BC = DC$ D. $BC = AC$

thuvientoanhoc.com

PHẦN II. TỰ LUẬN ***(8,0 điểm)***

Câu 1. *(2,0 điểm)* Thực hiện phép tính :

a) $2^0.2+48:2^2-5^1$

b) $(12.3-29)^2:7^1+83$

Câu 2. *(2,0 điểm)* Tìm x biết:

a) 1919 : x = 19

b) $x \in B(2)$ và x < 5

Câu 3. *(1,5 điểm)* Mẹ cho An 192.000đ đi nhà sách. Bạn An đi mua dụng cụ học tập gồm 2 quyển vở, 3 cây bút bi và 4 quyển sách . Biết rằng 1 quyển vở có giá 10 000 đồng, 1 cây bút bi có giá 8 000 đồng ;1 quyển sách có giá 12 000 đồng.

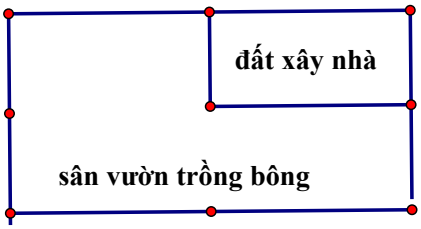
a) Hỏi sau khi An mua xong phải trả số tiền bao nhiêu?

b) Sau khi mua các món đồ trên. Số tiền còn lại của An là bao nhiêu?

Câu 4. *(2,0 điểm)*

Anh Phúc có một mảnh đất hình chữ nhật dài 15m rộng 5m. Anh muốn làm nhà và sân vườn như hình bên.

Biết nhà theo thiết kế nhà dài 10m và rộng 4m, phần còn lại làm sân vườn trồng hoa.



a/ Tính diện tích xây nhà ; diện tích sân vườn của anh Phúc.

b/ Anh Phúc dự định xây nhà với giá 3 500 000 đồng /1 mét vuông và phần còn lại anh dùng trồng hoa với giá 50 000 đồng /1 mét vuông . Hỏi anh cần dùng bao nhiêu tiền để xây nhà ? để trồng hoa ?

Câu 5. *(0,5 điểm)* Tìm chữ số a, b để : $\overline{1ab}$ thoả điều kiện chia hết cho 2 , cho 5 và cho 3

-Hết-

Học sinh không được sử dụng tài liệu, cán bộ coi kiểm tra không giải thích đề

Họ và tên học sinh: …… Lớp: ……. SBD:……..

thuvientoanhoc.com

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG XUÂN HÒA
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 2 (CT)
(Đề gồm 2 trang)

ĐỀ THAM KHẢO GIỮA HỌC KÌ 1
NĂM HỌC 2026 - 2027
MÔN TOÁN - KHỐI 6
Thời gian: 60 phút
(Không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm)

Học sinh chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng và ghi vào giấy làm bài.

(Ví dụ: 1A; 2B; 3C; ...)

Câu 1. Cho tập hợp $A = \{2;3;5;7\}$. Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

A. $3 \in A$ **B.** $4 \in A$ **C.** $5 \notin A$ **D.** $7 \notin A$

Câu 2. Trong các phép chia sau thì phép chia nào là phép chia có dư?
A. $616 : 4$ B. $125 : 5$ C. $736 : 9$ D. $518 : 7$

Câu 3. Trong các số tự nhiên sau, số nào là ước của 120?
A. 16 B. 18 C. 20 D. 22

Câu 4. Kết quả của phép tính $3^2 \cdot 3^3$ viết dưới dạng một lũy thừa là:

A. 3^5 B. 3^6 C. 9^5 D. 9^6

Câu 5. Tam giác đều ABC có độ dài cạnh $AB = 6$ cm. Độ dài cạnh BC bằng bao nhiêu?

A. 3 cm B. 6 cm C. 9 cm D. 12 cm

Câu 6. Trong các khẳng định sau về hình chữ nhật, khẳng định nào sau đây là **đúng**?

A. Bốn cạnh bằng nhau B. Hai đường chéo vuông góc

C. Hai đường chéo bằng nhau D. Bốn góc nhọn

Câu 7. Hình bình hành ABCD có độ dài cạnh $AB = 8$ cm và $BC = 5$ cm. Độ dài cạnh CD là:

A. 5 cm B. 8 cm C. 13 cm D. 40 cm

Câu 8. Hình thang cân MNPQ (MN song song với PQ) có đặc điểm nào sau đây?

A. Hai đường chéo bằng nhau

B. Hai cạnh đáy bằng nhau

C. Hai đường chéo vuông góc

D. Hai cạnh bên song song

thuvientoanhoc.com

PHẦN II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài 1. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $249 - 5^2.8 + 3^2.4$

b) $5^3 - \left\{200 : \left[72 + \left(2^2.3 + 4^2\right)\right]\right\}$

Bài 2. (2,0 điểm) Tìm số tự nhiên x,biết rằng

a) $25 + (x - 7) = 40$

b) $x \in \text{Ư}(30)$ và $x > 8$.

Bài 3. (1,5 điểm)

Bạn An đi nhà sách mua 10 quyển vở với giá $12\,000$ đồng một quyển và 5 chiếc bút bi với giá $6\,000$ đồng một chiếc.

a) Tính tổng số tiền bạn An phải trả cho cô bán hàng.

b) Bạn An đưa cho cô bán hàng 2 tờ tiền mệnh giá $100\,000$ đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại cho bạn An bao nhiêu tiền?

Bài 4. (2,0 điểm)

Một mảnh vườn hình chữ nhật $ABCD$ có chiều dài 15 m và chiều rộng 8 m.

a) Tính chu vi và diện tích của mảnh vườn hình chữ nhật đó.

b) Ở chính giữa mảnh vườn, người ta xây một bồn hoa hình vuông có độ dài cạnh 3m. Phần đất còn lại xung quanh bồn hoa dùng để trồng cỏ. Biết chi phí trồng cỏ là $40\,000$ đồng/m^2. Tính tổng chi phí để trồng cỏ cho phần đất đó.

Bài 5. (0,5 điểm) [VDC]

Chứng minh rằng tổng $S = 3 + 3^2 + 3^3 + 3^4 + \ldots + 3^{60}$ chia hết cho 13.

----HẾT----

Học sinh không được sử dụng tài liệu, cán bộ coi kiểm tra không giải thích đề

Họ và tên học sinh: …… Lớp: ……. SBD:……..

thuvientoanhoc.com

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG XUÂN HÒA
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ THAM KHẢO GIỮA HỌC KÌ 1
NĂM HỌC 2026 - 2027
MÔN TOÁN - KHỐI 6
Thời gian: 60 phút
(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 3 (CK)
(Đề gồm 2 trang)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Mỗi câu sau đây có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có một phương án đúng. Em hãy ghi vào bài làm phương án đúng.

Câu 1.Tập hợp nào sau đây chỉ tập hợp các số tự nhiên khác 0?

A. {1; 2; 3; 4; 5}. B. {0; 1; 2; 3; 4; 5}. C. {1; 2; 3; 4; 5; …}. D. {0; 1; 2; 3; 4; 5; …}.

Câu 2.Cách viết tập hợp nào sau đây đúng?

A. $A=[2;3;5;7]$ B. $A=(2;3;5;7)$ C. $A=\{2,3,5,7\}$ D. $A=\{2;3;5;7\}$

Câu 3. Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc là:

A. Nhân và chia → Luỹ thừa → Cộng và trừ.

B. Cộng và trừ → Nhân và chia → Luỹ thừa.

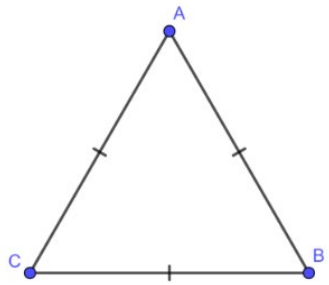
C. Luỹ thừa → Nhân và chia → Cộng và trừ.

D. Luỹ thừa → Cộng và trừ → Nhân và chia.

Câu 4. Phép tính $3^{40}.3^{200}:3^{50}$ có kết quả là:

A. 3^{54} B. 3^{100} C. 3^{50} D. 3^{190}

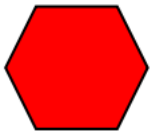
Câu 5. Hình bên có tên gọi là gì?



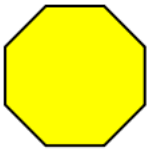
A.Hình tam giác đều C.Hình thang cân

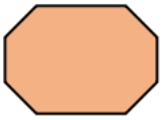
B.Hình lục giác đều D. Hình vuông

Câu 6. Trong các hình vẽ sau, hình nào là lục giác đều?


Hình 1


Hình 2


Hình 3


Hình 4

A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 7. Hình có hai đường chéo vuông góc là:

A. Hình bình hành B.Hình chữ nhật C. Hình thoi D. Hình thang cân

thuvientoanhoc.com

Câu 8. Hình thang cân có

A. Hai cạnh bên song song.

B. Hai cạnh bên bằng nhau.

C. Hai đường chéo vuông góc với nhau.

D. Bốn cạnh bằng nhau.

PHẦN II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Thực hiện phép tính

a/ $29.16+29.49-29.55$

b/ $100:\left\{360:\left[(15-7).4+2^3\right]+2025^0\right\}$

Câu 2. (2 điểm) Tìm số tự nhiên x biết:

a/ $25+5(17-x)=100$

b/ $x \in Ư(10)$ *và* $2<x<10$

Câu 3. (1.5 điểm)

Bạn Lan đi nhà sách mua 2 bút bi giá 3000 đồng/chiếc, mua 3 quyển vở giá 6000 đồng/quyển, mua một quyển sách và 5 bao thư. Biết số tiền mua 2 quyển sách bằng số tiền mua 10 quyển vở, tổng số tiền phải trả là 79 000 đồng.

a/ Tính giá tiền của một quyển sách.

b/ Tính giá tiền của một bao thư.

Câu 4. (2 điểm) Một nền nhà hình chữ nhật có nửa chu vi là 18 m. Chiều dài 12 m. Người ta lát nền nhà bằng loại gạch men hình vuông cạnh 6 dm.

a/ Tính diện tích nền nhà.

b/ Một thùng gạch có 10 viên gạch men với giá 250 000 đồng/thùng. Hỏi cần bao nhiêu tiền để mua gạch lát hết nền nhà trên? (coi diện tích khe giữa các viên gạch không đáng kể).

Câu 5. (0.5 điểm) Không thực hiện tính tổng, chứng minh rằng

$K=9+9^2+9^3+9^4+...+9^{99}$ là bội của 91.

----HẾT----

Học sinh không được sử dụng tài liệu, cán bộ coi kiểm tra không giải thích đề

Họ và tên học sinh: …… Lớp: ……. SBD:……..

thuvientoanhoc.com

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG XUÂN HÒA
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 4 (CN)
(Đề gồm 2 trang)

ĐỀ THAM KHẢO GIỮA HỌC KÌ 1
NĂM HỌC 2026 - 2027
MÔN TOÁN - KHỐI 6
Thời gian: 60 phút
(Không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm)

Câu 1. Cho tập hợp $M = \{T; O; A; N; H; C\}$. Khẳng định nào sau đây là sai?

A. $K \notin M$. **B.** $N \in M$. **C.** $O \notin M$. **D.** $A \in M$.

Câu 2. Lũy thừa bậc 3 của 5 được kí hiệu là:

A. 3^5. **B.** 5^3. **C.** $3 . 5$. **D.** 15.

Câu 3. Thứ tự các phép tính nào sau đây đúng với biểu thức khi có dấu ngoặc?

A. [ ] → ( ) → { } B. ( ) → [ ] → { }

C. { } → [ ] → ( ) D. [ ] → { } → ( )

Câu 4. Giá trị của số La Mã XXIV trong hệ thập phân là:

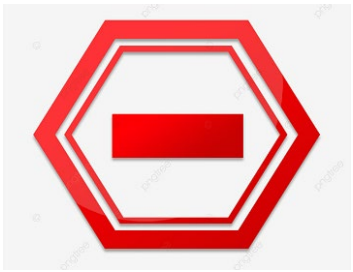
A. 23 B. 24 C. 25 D. 26

Câu 5. Khẳng định nào sau đây là **đúng**? Trong hình vuông:

A. Bốn góc không bằng nhau. B. Hai đường chéo không bằng nhau.

C. Bốn góc bằng nhau. D. Hai đường chéo song song với nhau.

Câu 6. Biển báo giao thông có dạng hình gì?



A. Hình tròn B. Hình ngũ giác đều
C. Hình vuông D. Hình lục giác đều

Câu 7. Yếu tố nào sau đây **không** phải của hình bình hành ?

A. Hai cặp cạnh đối diện song song. B. Có 4 cạnh bằng nhau.

C. Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau. D. Hai cặp góc đối diện bằng nhau.

Câu 8. (0,25 điểm) Hình thang cân có:

A. Hai cạnh bên bằng nhau, hai cạnh đáy bằng nhau.
B. Hai cạnh bên bằng nhau.
C. Hai đường chéo vuông góc với nhau.
D. Bốn cạnh bằng nhau.

thuvientoanhoc.com

PHẦN II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a/ $63 - 24 : 6 . 8 + 18$

b/ $(11 + 3^7 : 3^6) . 4 - 2 . 4^2$

Câu 2. (2,0 điểm) Tìm số tự nhiên *x* biết:

a/ $(3x - 6) . 3^2 = 3^5$

b/ $x \in$ Ư(12) và $2 < x < 6$

Câu 3. (1,5 điểm) Bạn Hà được mẹ cho 300 000 đồng đi nhà sách. Hà cần mua 5 quyển vở, 4 cây bút bi, 1 cuốn từ điển Tiếng Việt và 1 cuốn từ điển Anh _Việt, biết giá mỗi quyển vở là 9 500 đồng, mỗi cây bút bi có giá 5 000 đồng, mỗi cuốn từ điển Tiếng Việt có giá 48 000 đồng và từ điển Anh _Việt có giá 175 000 đồng một cuốn.

a/ Tính tổng số tiền bạn Hà phải trả khi mua 5 quyển vở, 4 cây bút bi, 1 cuốn từ điển Tiếng Việt và 1 cuốn từ điển Anh _Việt.

b/ Sau khi mua các món Hà cần, Hà nhìn thấy 1 quyển truyện mà Hà thích từ lâu có giá 56 000 đồng. Hỏi bạn Hà có đủ tiền để mua quyển truyện đó không? Biết rằng Hà có đem theo 50 000 đồng tiền tiết kiệm.

Câu 4. (2,0 điểm) Sân của một ngôi nhà có dạng hình chữ nhật kích thước 20m x 30m. Người ta lát kín sân bằng những viên gạch hình vuông có cạnh 50cm. Tổng chi phí để mua gạch lát kín sân là 60 000 000 đồng.

a/ Tính diện tích cái sân.

b/ Tính giá tiền mỗi viên gạch lát nền. (Mạch nối giữa các viên gạch không đáng kể)

Câu 5. (0,5 điểm) Tìm số $\overline{3a5b}$ nhỏ nhất và lớn nhất biết rằng số đó chia hết cho cả 2 và 9.

----HẾT----

Học sinh không được sử dụng tài liệu, cán bộ coi kiểm tra không giải thích đề

Họ và tên học sinh: …… Lớp: ……. SBD:……..

thuvientoanhoc.com

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG XUÂN HÒA
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 5 (CH)
(Đề gồm 2 trang)

ĐỀ THAM KHẢO GIỮA HỌC KÌ 1
NĂM HỌC 2026 - 2027
MÔN TOÁN - KHỐI 6
Thời gian: 60 phút
(Không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm)

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 8. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Cho tập hợp $A = \{0; 2; 4; 6\}$. Khẳng định nào sau đây đúng?

A. $3 \in A$ **B.** $4 \in A$ **C.** $6 \notin A$ **D.** $0 \notin A$

Câu 2. Số La Mã XXIV có giá trị là

A. 14 **B.** 26 **C.** 16 **D.** 24

Câu 3. Kết quả của phép tính $3^2 \cdot 3^4$ viết dưới dạng một lũy thừa là

A. 3^6 **B.** 3^8 **C.** 9^6 **D.** 9^8

Câu 4. Tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 3 và nhỏ hơn 8 là

A. $\{3; 4; 5; 6; 7; 8\}$ **B.** $\{4; 5; 6; 7; 8\}$

C. $\{4; 5; 6; 7\}$ **D.** $\{3; 4; 5; 6; 7\}$

Câu 5. Tam giác đều có

A. hai cạnh bằng nhau, một cạnh khác **B.** ba cạnh đôi một khác nhau

C. ba cạnh bằng nhau **D.** hai góc vuông

Câu 6. Chu vi của hình vuông có độ dài cạnh 5 cm là

A. 20 cm **B.** 25 cm **C.** 10 cm **D.** 15 cm

Câu 7. Diện tích của hình chữ nhật có chiều dài 8 cm và chiều rộng 3 cm là:

A. $11\ cm^2$ **B.** $22\ cm^2$ **C.** $12\ cm^2$ **D.** $24\ cm^2$

Câu 8. Hình nào sau đây có bốn cạnh bằng nhau và hai đường chéo vuông góc với nhau?

A. Hình chữ nhật **B.** Hình thoi **C.** Hình bình hành **D.** Hình thang cân

thuvientoanhoc.com

PHẦN II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Thực hiện các yêu cầu sau:

a/ Viết kết quả phép tính dưới dạng một lũy thừa: $3^4 \cdot 3^2$; $5^9 : 5^6$.

b/ Thực hiện phép tính: $50 - [(20 - 2^3) \cdot 3 - 10]$.

Câu 2 (2,0 điểm). Thực hiện các yêu cầu sau:

a/ Tìm số tự nhiên x, biết: $3 \cdot (x - 2) + 5^2 = 40$.

b/ Tìm các số tự nhiên x sao cho $x \in$ Ư(36) và $5 < x \leq 18$.

Câu 3 (1,5 điểm). Giải các bài toán sau:

a/ Mẹ mua 3 hộp bút giá 25 000 đồng một hộp và 4 quyển vở giá 12 000 đồng một quyển. Mẹ đưa cho người bán 150 000 đồng. Hỏi mẹ được trả lại bao nhiêu tiền?

b/ Một cửa hàng bán bút như sau: mua lẻ giá 6 000 đồng một chiếc; mua theo hộp 10 chiếc giá 50 000 đồng một hộp. Cô giáo cần mua ít nhất 38 chiếc bút. Hỏi cô giáo cần trả ít nhất bao nhiêu tiền?

Câu 4 (2,0 điểm). Giải các bài toán sau:

a/ Một hình chữ nhật có chiều dài 12 cm và chiều rộng 7 cm. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó.

b/ Nền một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 8 m và chiều rộng 6 m được lát kín bằng các viên gạch hình vuông cạnh 40 cm (không tính hao hụt). Hỏi cần bao nhiêu viên gạch? Nếu mỗi viên gạch giá 25 000 đồng thì tổng tiền mua gạch là bao nhiêu?

Câu 5 (0,5 điểm). Cho $A = 2 + 2^2 + 2^3 + \cdots + 2^{10}$. Chứng tỏ rằng A chia hết cho 3.

-------- HẾT --------

Học sinh không được sử dụng tài liệu, cán bộ coi kiểm tra không giải thích đề

Họ và tên học sinh: …… Lớp: ……. SBD:……..

thuvientoanhoc.com

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG XUÂN HÒA
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 6 (ĐH)
(Đề gồm 2 trang)

ĐỀ THAM KHẢO GIỮA HỌC KÌ 1
NĂM HỌC 2026 - 2027
MÔN TOÁN - KHỐI 6
Thời gian: 60 phút
(Không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm)

Học sinh chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng và ghi vào giấy làm bài.
(Ví dụ: 1A; 2B; 3C; ...)

Câu 1. Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 2 \le x \le 7\}$. Khẳng định nào sau đây là **đúng**?
A. $8 \in A$ B. $7 \in A$ C. $2 \notin A$ D. $5 \notin A$

Câu 2. Số dư trong phép chia 125:11 là:
A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3. Trong các số tự nhiên sau, số nào là ước của 240?
A. 12 B. 19 C. 9 D. 50

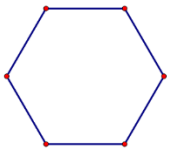
Câu 4. Phép tính 5.5.5.5 được viết gọn dưới dạng luỹ thừa là:
A. 5.4 B. 5^4 C. 4^5 D. $5+4$

Câu 5. Hình nào dưới đây có dạng hình tam giác đều?
A. B. C. D.






Câu 6. Hình dưới đây có tên gọi là gì?



A.Hình tam giác đều B.Hình lục giác đều
C.Hình thang cân D. Hình vuông

Câu 7. Hình nào dưới đây có hai đường chéo bằng nhau?
A. Hình bình hành B.Hình chữ nhật
C. Hình thoi D. Hình thang

Câu 8. Hình bình hành có:
A. Hai đường chéo vuông góc. B. Hai đường chéo bằng nhau.
C. Hai cạnh đối bằng nhau D. 4 cạnh bằng nhau

thuvientoanhoc.com

PHẦN II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài 1. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $125-3^2.4+2^3.5$

b) $600:\left[125-\left(2^2.4+9\right)\right]$

Bài 2. (2,0 điểm) Tìm số tự nhiên x ,biết rằng

a) $60:(x-5)=12$

b) $x\in B(20)$ và $80<x\le 120$

Bài 3. (1,5 điểm)

Bạn An đi nhà sách mua 6 quyển vở với giá 10 000 đồng một quyển và 5 cây bút bi với giá 6000 đồng một cây.

a) Tính tổng số tiền bạn An phải trả cho cô bán hàng.

b) Biết rằng lúc đầu An chỉ đem theo 1 tờ tiền mệnh giá 100 000 đồng và 1 tờ tiền mệnh giá 50 000 đồng. Sau khi mua đồ ở nhà sách xong, An còn mua 2 ly nước nên số tiền còn lại của An là 40 000 đồng. Em hãy tìm giá của một ly nước mà An đã mua.

Bài 4. (2,0 điểm)

Một cái sân hình chữ nhật có chiều dài 20m và chiều rộng 10m.

a) Tính chu vi và diện tích của cái sân hình chữ nhật đó.

b) Bác Nho muốn lát toàn bộ cái sân hình chữ nhật bằng những viên gạch hình vuông có cạnh 50 cm. Biết mỗi thùng gạch có 4 viên, hỏi bác cần bao nhiêu thùng để lát kín sân.

Bài 5. (0,5 điểm) [VDC]

Chứng minh rằng tổng $S=5+5^2+5^3+5^4+5^5+5^6$ chia hết cho 31.

——————— HẾT ———————

Học sinh không được sử dụng tài liệu, cán bộ coi kiểm tra không giải thích đề

Họ và tên học sinh: …… Lớp: ……. SBD:……..

thuvientoanhoc.com

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG XUÂN HÒA
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 7 (ĐN)
(Đề gồm 2 trang)

ĐỀ THAM KHẢO GIỮA HỌC KÌ 1
NĂM HỌC 2026 - 2027
MÔN TOÁN - KHỐI 6
Thời gian: 60 phút
(Không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (2,0 ĐIỂM)

Học sinh chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng và ghi vào giấy làm bài (Ví dụ: 1A, 2B; ...)

Câu 1. Cho tập hợp $A = \{a;b;c;1;3;5\}$. Số phần tử của tập hợp A là:

A. 6 B. 5 C. 4 D. 3

Câu 2. Tích 7.7.7.7.7 viết dưới dạng lũy thừa là:

A. 7^7 B. 7^6 C. 7^5 D. 5.7

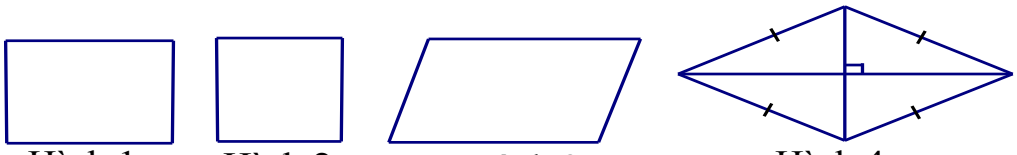
Câu 3. Chọn đáp án đúng. Khi thực hiện các phép tính trong một biểu thức:

A. Nếu chỉ có phép tính cộng, trừ hoặc chỉ có phép nhân, chia, ta thực hiện theo thứ tự từ trái sang phải
B. Nếu có phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa, ta thực hiện nâng lên lũy thừa trước, rồi đến nhân và chia, cuối cùng đến cộng và trừ.
C. Nếu biểu thức có dấu ngoặc tròn (), ngoặc vuông [], ngoặc nhọn {} ta thực hiện trong dấu ngoặc tròn trước, rồi thực hiện phép tính trong dấu ngoặc vuông, cuối cùng thực hiện phép tính trong dấu ngoặc nhọn.
D. Cả A,B,C đều đúng.

Câu 4. Số La Mã XIV viết dưới dạng số tự nhiên có giá trị là:

A. 15 B. 14 C. 13 D. 12

Câu 5. Trong các hình dưới đâu là hình thoi.



Hình 1 Hình 2 Hình 3 Hình 4

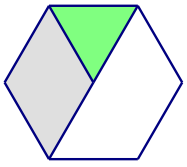
A. Hình 4 **B.** Hình 3 **C.** Hình 2 **D.** Hình 1

Câu 6. Chọn đáp án đúng:

A. Tam giác có ba cạnh bằng nhau là tam giác đều.
B. Lục giác đều có sáu cạnh bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau.
C. Cả A và B đều sai.
D. Cả A và B đều đúng.

Câu 7. Trong hình 5 gồm những hình nào?

A. Tam giác đều, hình thoi.
B. Tam giác đều, hình thang cân
C. Tam giác đều, hình thang cân, hình thoi.
D. Tam giác đều, hình thoi, hình thang cân, lục giác đều.



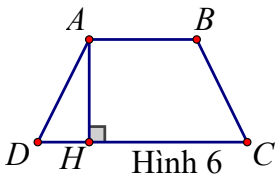
Hình 5

thuvientoanhoc.com

Câu 8. Cho hình thang cân ABCD (Hình 6)
Chu vi của hình thang ABCD là:

A. AB + CD **C.** AB+BC+CD+DA

B. AB+AC+AD **D.** (AB+DC).AH:2



Hình 6

PHẦN II. TỰ LUẬN (8,0 ĐIỂM)

Câu 1.(2,0 điểm). Thực hiện phép tính

a/ $4.5^2 - 2^{10} : 2^8 + 9$ b/ $800 : \left[150 - 2\left(2^4 + 54 : 6\right)\right] - 2025^0$

Câu 2. (2,0 điểm). Tìm số tự nhiên x, biết:

a/ $200 - x = 6.5$. b/ $x \in U(24)$ và $x \geq 8$

Câu 3. (1,5 điểm). Trong dịp "Hội xuân 2024", để gây quỹ giúp đỡ các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn, lớp 6A đã bán 2 loại mặt hàng như sau với mục tiêu lãi 500 000 đồng.

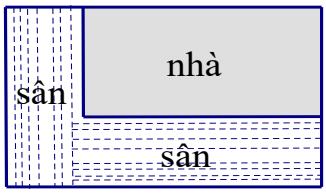
STT	Tên hàng	Số lượng đã nhập	Giá nhập	Giá bán
1	Trà sữa	100 li	16 000 đồng/li	22 000 đồng/li
2	Kem	70 cây	10 000 đồng/ cây	15 000 đồng/ cây

Trong thực tế lớp 6A đã bán được 90 li trà sữa, 65 cây kem.

a/ Tính tổng số tiền vốn lớp 6A đã bỏ ra để nhập số lượng như bảng trên?

b/ Lớp 6A thu được bao nhiêu tiền lãi? Lớp 6A có hoàn thành mục tiêu đề ra không?

Câu 4. (2,0 điểm). Anh Phúc chuẩn có một mảnh đất hình chữ nhật dài 32m rộng 16m. Anh muốn làm nhà và sân vườn như hình bên. Biết nhà theo thiết kế nhà dài 22m và rộng 10m.



a/ Tính chu vi và diện tích mảnh đất của anh Phúc.

b/ Ngoài sân, anh Phúc dự định trồng cây và làm hồ cá hết 192m^2, phần sân còn lại sau khi xây nhà, làm hồ cá và trồng cây anh dùng gạch hình vuông để lát. Hỏi anh cần dùng bao nhiêu tiền ? Biết giá gạch một mét vuông giá 95 000 đồng.

Câu 5. (0,5 điểm). Chứng tỏ $\left(\overline{ab} + \overline{ba} - 2a - 2b\right) \vdots 9$

Học sinh không được sử dụng tài liệu, cán bộ coi kiểm tra không giải thích đề

Họ và tên học sinh: …… Lớp: ……. SBD:……..

thuvientoanhoc.com